

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/8/2024
*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Định**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Hoàng Thị Thái**

Ông **Vũ Văn Quỳnh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thương Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Văn Năng** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 79/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST- HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Lường Thị Y**; địa chỉ: Bản P, xã M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; vắng mặt có đơn xin vắng mặt

- Bị đơn: Ông **Cà Văn C**; địa chỉ: Bản P, xã M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2024, trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Lường Thị Y trình bày:

- Về hôn nhân: Bà **Lường Thị Y** và ông **Cà Văn C** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hai bên tự tìm hiểu, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên vào ngày 21/5/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng bà Y và ông C chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó đến năm 2016 bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất

đồng quan điểm sống. Bà Y thường xuyên bị ốm từ đó vợ chồng hay cãi nhau to tiếng. Đến năm 2017, ông C đi làm thuê, không liên lạc gì về nhà. Năm 2019, ông C cùng gia đình đến nhà bà Y bàn bạc về việc ly hôn và hai bên đã thống nhất ly hôn bằng lời nói nhưng chưa nộp đơn ly hôn ra Tòa án. Ông C thỉnh thoảng cũng có về nhà thăm con nhưng không cấp dưỡng cho con. Nay vợ chồng đã sống ly thân, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Ngày 10/7/2024, bà Y có đơn xin từ chối hòa giải với lý do: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã làm thủ tục hòa giải nhiều lần nhưng ông C không đến hòa giải, mẫu thuẫn của vợ chồng bà đã đến mức trầm trọng, hiện tại bà và ông C đã sống ly thân, không còn quan tâm và liên lạc với nhau nữa.

- Về con chung: Bà và ông C có một con chung là cháu Cà Thanh H, sinh ngày 02/01/2014. Nguyên vọng của cháu H muốn được ở với mẹ và bà Y cũng có nguyện vọng được chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Bà Y không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về Tài sản chung và N chung: Bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Cà Văn C:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số 79/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp tại Tòa án. Ông C không có ý kiến, vẫn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Ông C vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như các phiên tòa.

Tại đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân nơi sinh sống của bà Lường Thị Y và ông Cà Văn C đề ngày 14/5/2024, UBND xã M xác nhận:

Vợ chồng bà Lường Thị Y và ông Cà Văn C có mâu thuẫn nhưng không biểu hiện ra bên ngoài, cũng chưa có đơn yêu cầu tổ hòa giải của bản và xã hoà giải, do đó tại cơ sở chưa lần nào hoà giải cho vợ chồng bà. Hiện bà Y và ông C không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, bà Y làm đơn xin xác nhận này để Tòa án làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại đơn xin xác nhận của bà Lường Thị Y đề ngày 14/5/2024, UBND xã M xác nhận: Bà Y có nhà riêng, có nơi cư trú rõ ràng tại bản Phăng 2, xã M, thành phố Đ và bà có thu nhập ổn định từ công việc làm ruộng cũng như làm thêm, thu nhập một tháng được khoảng 5 triệu đồng.

Kiểm soát vi phạm tham gia phiên tòa phúc thẩm ý kiến:

Về tố tụng:

Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự, đảm bảo quyền lợi của đương sự; bị đơn đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như các phiên tòa nhưng không có ý kiến hoặc văn bản trả lời, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như các phiên tòa mà không có lý do chính đáng, bị đơn tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung:

- Về hôn nhân: Xét thấy mối thuận vợ chồng giữa bà Y và ụng C là trầm trọng, tôn trọng vợ chồng khùng cũn, mục đích hôn nhân khùng đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Y đối với ụng C.

- Về con chung: Để đảm bảo và ổn định cuộc sống của con chung cũng như nguyện vọng của con. Bà Y được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Cà Thanh H cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành hoặc có thay đổi khác.

Bà Y khùng yêu cầu ụng C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nòn khùng quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Y khùng yêu cầu giải quyết; ụng C khùng có văn bản hoặc ý kiến gở nòn khùng xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 25/3/2024, bà Y nộp đơn khởi kiện về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đối với ông C; ngày 14/5/2024, bà Y nộp biên lai nộp tiền tạm ứng án phí. Cùng ngày 14/5/2024, Tòa án tiến hành thụ lý và ban hành Thông báo về việc thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện theo quy định tại Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bà Y và ông C đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại địa bàn thành phố Đ, tỉnh Điện Biên nên yêu cầu "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" của bà Y thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố

Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tổ tụng dân sự.

- Các vấn đề khác: Trong quá trình giải quyết, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238/BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Y và ông C tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền vào ngày 21/5/2012. Tại thời điểm kết hôn, bà Y và ông C đều đã đủ điều kiện kết hôn và không thuộc những trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (*Có hiệu lực tại thời điểm kết hôn*) nên hôn nhân giữa bà Y và ông C là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Sau khi kết hôn, bà Y và ông C cùng sinh sống tại bản Phăng 2, xã M, thành phố Đ, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại đây.

Bà Y cho rằng: Sau khi kết hôn vợ chồng bà Y và ông C chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó đến năm 2016 bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Bà Y thường xuyên bị ốm từ đó vợ chồng hay cãi nhau to tiếng. Đến năm 2017, ông C đi làm thuê, không liên lạc gì về nhà, đến năm 2019 ông C cùng gia đình đến nhà bà Y bàn bạc về việc ly hôn và hai bên đã thống nhất ly hôn bằng lời nói nhưng chưa nộp đơn ly hôn ra Tòa án. Ông C thỉnh thoảng cũng có về nhà thăm con nhưng ông C không cấp dưỡng cho con. Nay vợ chồng đã sống ly thân, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Y từ chối tham gia hòa giải và cương quyết xin ly hôn với ông C.

Trưởng bản Phăng 2, xã M, thành phố Đ xác nhận: Bà Lương Thị Y và ông Cà Văn C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại UBND xã M, thành phố Đ, vợ chồng bà Y có mâu thuẫn nhưng không biểu hiện ra bên ngoài cũng chưa có đơn yêu cầu bản và xã hoà giải những mâu thuẫn của vợ chồng bà, do đó tại cơ sở chưa lần nào hoà giải cho vợ chồng bà. Hiện bà Y và ông C không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, bà Y làm đơn xin xác nhận này để Tòa án làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy rằng, là vợ chồng lẽ ra bà Y và ông C phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, ông C thường xuyên không quan tâm vợ con, bỏ bê gia

đình đã vi phạm quy định của luật hôn nhân và gia đình về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của vợ, con. Hai ông bà đã sống ly thân nên hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Mặt khác, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như các phiên tòa. Ông C không có ý kiến hoặc văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như các phiên tòa mà không có lý do chính đáng, điều này thể hiện sự không thiện chí trong việc hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng ông, ông C tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, thấy rằng: Trong cuộc sống hôn nhân, ông C đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của vợ, con; hôn nhân giữa hai người đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lương Thị Y đối với ông Cà Văn C.

2.2. Về con chung: Bà Lương Thị Y xác định có một người con chung là cháu Cà Thanh H, sinh ngày 02/01/2014, hiện tại cháu H đang ở cùng với bà Y. Bà Y có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi ly hôn với ông C. Tại thời điểm giải quyết vụ án, cháu H đã trên 07 tuổi, cháu H có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, bà Y có nơi cư trú ổn định; có thu nhập trung bình khoảng 5.000.000 đồng/tháng từ nghề làm nông nghiệp và làm thêm, đủ trang trải cuộc sống và nuôi con chung; cháu Cà Thanh H có nguyện vọng được ở với mẹ. Thấy rằng, nguyện vọng nuôi con của bà Y là chính đáng bởi lẽ, con chung của hai người còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên. Để thuận lợi cho sự phát triển tâm, sinh lý của con, Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng nuôi con chung của bà Y là chính đáng, phù hợp với thực tế và nguyện vọng của con chung, đảm bảo lợi ích về mọi mặt của con và không làm ảnh hưởng, xáo trộn đến việc sinh sống, học tập ổn định của con, không trái với Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về con chung của bà Y.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Y không đề nghị giải quyết; ông C không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Y không yêu cầu giải quyết; ông C không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 5, Điều 8, Điều 9; khoản 1 Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56 và các Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị Y về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" đối với ông Cà Văn C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị Y được ly hôn ông Cà Văn C.

2. Về con chung: Giao cho bà Lương Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Cà Thanh H, sinh ngày 02/01/2014 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Bà Y không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về Tài sản chung và Nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lương Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000

đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000963 ngày 14/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Bà Y đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND TP Điện Biên Phủ;
- Chi cục THADS TP Điện Biên Phủ;
- UBND xã Ảng Cang, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Định